

TÌM HIỂU SÁCH TRA CỨU CHỮ VIẾT TẮT (NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆT NAM)

PHẠM THỊ PHƯỢNG *

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu phương pháp biên soạn từ điển chữ tắt qua việc khảo sát cuốn *Sách tra cứu chữ viết tắt (nước ngoài và Việt Nam)*. Bảng đầu mục của cuốn sách được chia làm hai phần: chữ viết tắt có nguồn gốc nước ngoài và chữ viết tắt có nguồn gốc Việt Nam. Trong đó, phần chữ viết tắt nước ngoài chiếm phần lớn. Các đầu mục đều là danh từ, có thể là những chữ viết tắt đơn thành tố hoặc đa thành tố. Các thông tin trong mỗi đầu mục cũng khác nhau tùy theo ngôn ngữ của chữ viết tắt, nhưng thường gồm các phần sau: cách đọc phiên âm bằng tiếng Việt, tên đầy đủ, lời giải nghĩa/tên tiếng Việt tương đương.

Từ khóa: Từ điển chữ tắt, phương pháp biên soạn chữ tắt, định danh tắt, tắt tố.

Abstract: The article studies the method of compiling dictionary of abbreviations by surveying the *Book of looking up abbreviations (foreign and Vietnamese)*. The Book's headwords are divided into 2 parts: abbreviations of foreign origin and abbreviations of Vietnamese origin, in which foreign abbreviations account for the majority. The headwords are all nouns, they can be single- or multi-element abbreviations. The information in each headword also differs depending on the language of the abbreviations but it usually includes the following sections: pronunciation in Vietnamese, full name, equivalent explanation/Vietnamese name.

Keywords: Dictionary of abbreviations, abbreviation compilation method, abbreviation identifier, abbreviation element.

1. Mở đầu

Bài viết tìm hiểu cuốn *Sách tra cứu chữ viết tắt (nước ngoài và Việt Nam)* (STCCVT) do Như Ý - Mai Xuân Huy biên soạn, Nhà xuất bản Khoa học xã hội phát hành năm 1990 (in 2.550 cuốn, khổ 11,5 × 16,5 cm) nhằm rút ra những đặc điểm chung về cấu trúc vĩ mô và vi mô của loại sách này. Đây là một trong những công trình tra cứu chữ viết tắt đầu tiên của nước ta, trong đó, ngoài phần giải thích các chữ viết tắt, các tác giả có đưa ra những kiến giải nhất định về các đơn vị tắt trong tiếng Việt.

Chữ tắt hay viết tắt là một hiện tượng phổ biến trong nhiều ngôn ngữ, phản ánh quy luật tiết kiệm của ngôn ngữ. Tuy nhiên, nó cũng gây ra sự khó hiểu cho người sử dụng ngôn ngữ. Vì vậy, việc biên soạn từ điển chữ tắt để phục vụ nhu cầu của người sử dụng là vấn đề cần thiết và cần cập nhật thường xuyên.

2. Một số vấn đề chung

2.1. Khái niệm chữ tắt

Từ “tắt” được định nghĩa là cách nói, viết “không đầy đủ các âm, các chữ như bình thường, mà cắt bớt đi một số cho nhanh hơn, gọn hơn” [4, tr.846]. Chữ viết tắt là một loại tên gọi đặc biệt chỉ xuất hiện trong các ngôn

* ThS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: phuonghong26031988@gmail.com

ngữ thành văn. Theo tác giả Mai Xuân Huy “tắt (nói tắt, viết tắt) là một hiện tượng có tính quy luật của mọi ngôn ngữ, nó phản ánh quy luật tiết kiệm” [6, tr.11]. Theo tác giả Nguyễn Ngọc Trâm thì “hiện tượng viết tắt hay tên đơn vị viết tắt được gọi là *dạng tắt* để phân biệt với từ tắt hay tắt từ vựng là đơn vị nói tắt (ví dụ chè Thái = chè Thái Nguyên, công nông = công nhân và nông dân)” [5, tr.390]. Vậy chữ tắt, dạng tắt là việc đã bớt đi âm, vần của chữ đầy đủ nhằm tiết kiệm trong khi nói và viết nhưng vẫn phản ánh đúng và đầy đủ thông tin.

2.2. Phân loại các kiểu chữ tắt

Dạng tắt là dạng viết của các kiểu chữ tắt: con chữ - ký hiệu tắt, chữ tắt và tên tắt.

- *Con chữ - ký hiệu tắt* là những đơn vị chữ, ký hiệu đặc biệt mang nghĩa cố định cao, mang tính quốc tế và có tính phổ biến.

Ví dụ: **S.O.S** “save our soul” or “save our ship” tín hiệu cấp cứu (máy bay, tàu biển,...) “hãy cứu linh hồn chúng tôi” hay “hãy cứu tàu chúng tôi” [8, tr.1123]; **O.K.** all correct được, tốt, đồng ý, mọi việc đều vào đây cả [8, tr.224].

- *Chữ tắt* thường là từ, tổ hợp từ được rút gọn từ chữ cái đầu của tên đầy đủ. Ví dụ: **UB** ủy ban, **TP** thành phố, **VAC** vườn ao chuồng. Đây là loại chữ tắt có cấu tạo đơn giản, dạng đặc thù của tiếng Việt.

- *Tên tắt* thường có dạng lấy các chữ cái đầu của các chữ ghép lại để thành tên gọi của một khái niệm, một tổ chức. Dạng này nguồn gốc từ tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Ví dụ: **BBC** British Broadcasting Corporation Nghiệp đoàn Truyền thanh Anh, Đài BBC. **C.S.G.T.** cảnh sát giao thông [6].

Định danh tắt, tắt tổ là hai khái niệm đã được nhiều nhà ngôn ngữ học nghiên cứu trước đó [5]. Tác giả bài “*Về khái niệm tắt*

tổ và các kiểu định danh tắt trong tiếng Việt” định nghĩa *tắt tổ* là “cái đại diện” hay “yếu tố đại diện” cho một thành tố trong định danh đầy đủ, để trực tiếp cấu tạo nên định danh tắt” [5, tr.13]. Vậy định danh tắt chính là chữ tắt được cấu tạo từ một hay nhiều tắt tổ.

2.3. Từ điển chữ tắt

Theo Nguyễn Văn Lợi “Từ điển là một dạng công trình tra cứu, lưu chứa các từ ngữ tách rời của vốn từ ngữ chung (hay một bộ phận của vốn từ ngữ chung - các từ ngữ chuyên biệt) của ngôn ngữ, kèm theo các thông tin (đầy đủ hoặc chỉ một số thông tin) về chính tả, cách phát âm, ý nghĩa, cách dùng, từ đồng nghĩa, sự phái sinh và lịch sử của từ ngữ đó. Để tiện tra cứu, ở phần lớn các từ điển, các từ ngữ được sắp xếp theo trật tự bằng chữ cái; các thông tin được minh họa bằng những trích dẫn từ các tác phẩm văn học. “*Sách tra cứu*” là sách dùng để tìm tòi, hiểu biết chính xác một điều nào đó” [2, tr.6]. Như vậy, khái niệm từ điển và sách tra cứu đều chỉ một công trình có chức năng tra cứu, tìm hiểu thông tin chính xác về một điều gì đó.

Hiện nay ở nước ta, các công trình tra cứu chữ viết tắt (được xuất bản bằng tiếng Việt) có thể chia làm hai loại: 1- từ điển chữ viết tắt thông dụng; 2- từ điển chữ viết tắt theo chuyên ngành. Thuộc về loại 1 là những cuốn như: *Từ điển chữ viết tắt thông dụng* của Lê Nhân Đàm (1999), *Sổ tay tra cứu chữ viết tắt quốc tế thông dụng* của Trần Nam Tiến (Chủ biên) (2006), *Tên viết tắt các tổ chức kinh tế xã hội Việt Nam* của Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1993),... Thuộc về loại 2, là những cuốn như: *Từ điển viết tắt Anh - Việt về viễn thông, vô tuyến điện tử và tin học* của Vũ Văn Chung (1996), *Từ viết tắt tiếng Anh về khoa học công nghệ thông dụng* của Phùng Quang Nhượng (2002),...

STCCVT thuộc loại thứ nhất. Các tác giả sách đã xác định: “*Sách tra cứu chữ viết tắt (nước ngoài và Việt Nam)* là một thể nghiệm bước đầu nghiên cứu và biên soạn từ điển chữ tắt dùng trong tiếng Việt” [6]. Chính vì thế, chúng tôi chọn công trình này để khảo sát cấu trúc vĩ mô và vi mô vì tính tiên phong và tính đại diện của nó.

3. Cấu trúc vĩ mô và vi mô của *Sách tra cứu chữ viết tắt (nước ngoài và Việt Nam)*

3.1. Cấu trúc vĩ mô

Với mục đích phục vụ nhu cầu tra cứu của người Việt khi đọc các tài liệu nước ngoài, bảng đầu mục được chọn trên sách báo, tạp chí, các ấn phẩm, nhãn hiệu hàng hóa nước ngoài đã có mặt tại Việt Nam. Nhìn chung, chữ tắt được thu thập trong giai đoạn này chủ yếu là tên gọi các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục nghệ thuật, quân sự, y tế, ... của nước ngoài.

3.1.1. Số lượng

Chúng tôi đã thống kê số lượng đầu mục của từng văn trong STCCVT, kết quả như sau (Xem Bảng 1):

Như vậy, tổng số lượng đầu mục là 4.128, trong đó chữ tắt có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài là 3.871 (86%), mục từ tiếng Việt là 257 (14%). Điều này cho thấy chữ viết tắt nước ngoài chiếm số lượng lớn trong cấu trúc bảng từ do số lượng văn bản trên sách báo, hay tạp chí của các nước du nhập vào nước ta rất nhiều, và thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống, kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, đó chủ yếu là tên riêng của tổ chức kinh tế, xã hội quốc tế.

Chữ viết tắt có nguồn gốc từ tiếng Việt có số lượng ít, một số văn không có mục từ xuất hiện, vì thời gian này nước ta đang trong giai đoạn mở cửa và phục hồi nền

Bảng 1. Số lượng đầu mục của từng văn trong STCCVT

Chữ cái	Tên tắt nước ngoài	Tên tắt Việt Nam
A	307	7
B	294	5
C	327	29
D	220	20
E	228	3
F	195	2
G	132	3
H	212	13
I	404	6
J	95	0
K	45	4
L	162	8
M	330	9
N	293	8
O	114	2
P	223	8
Q	29	4
R	147	1
S	256	19
T	81	30
U	140	8
V	57	62
W	105	0
X	10	6
Y	31	0
Z	16	0
TỔNG	3.871	257

kinh tế. Chữ tắt chủ yếu là tên công ty, xí nghiệp, tổ chức kinh tế, xã hội trong nước. Ở thời kỳ này, đây là lớp từ mới được hình thành, chưa nhiều và chưa ổn định.

3.2. Các loại đầu mục xét theo cấu tạo

3.2.1. Chữ tắt đơn thành tố

Trong tiếng Anh, chữ tắt đơn thành tố,

trường hợp chỉ có một chữ cái, như 26 chữ cái trong thứ tự bảng chữ cái đều được từ điển giải thích. Ví dụ mục từ A:

A. 1) academy *Viện hàn lâm* 2) America *nước Mỹ* 3) Army *quân đội*.

a 1) acre *mẫu Anh* (4047 m²) 2) afternoon *buổi chiều*.

Chữ tắt đơn thành tố là một đoạn cắt, hay là cách cắt âm tiết của một từ. Đối với tiếng Anh chữ tắt này có thể là từ đơn hoặc một từ trọn vẹn. Những mục từ loại này thường mang nghĩa thông báo như chỉ thời gian, ngành nghề, cách dùng, biển chỉ dẫn,... Chẳng hạn: **clin.** clinic; clinical *bệnh viện; [thuộc] bệnh viện*. **Brit.** 1) Britain *nước Anh* 2) British *người Anh, tiếng [thuộc] Anh*; **engr.** engraver *thợ khắc*. **lexicog.** lexicography *từ điển học*. **prof.** professor. *giáo sư*. **pro.** profession *nghề nghiệp*; **gas.** gasoline *dầu xăng*.

Chữ tắt đơn thành tố có cách kết hợp của các chữ cái, nhưng không mang tính âm tiết, xuất hiện nhiều ở các mục từ chỉ về xưng hô, chức danh, máy móc,... Ví dụ: **Mr.** Mister *ngài, ông*. **Ph.B** Bachelor of Philosophy *cử nhân triết học*. **TV** television *[máy] vô tuyến truyền hình, ti-vi*.

Một số trường hợp đặc biệt trong từ điển này có định danh tắt đơn thành tố có thể là tên riêng một cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Chẳng hạn:

THAI Thai Airways International *Hãng hàng không quốc tế Thái Lan*.

OZONE [ô-dôn] International Bureau of Atmospheric Ozone *Văn phòng quốc tế về Ô-zôn khí quyển*.

Trong tiếng Việt, *chữ tắt đơn thành tố chữ cái* là những chữ viết tắt chỉ gồm một chữ đại diện cho tên đầy đủ hay chỉ có một tắt tố. Ví dụ: **Ô.** ông; **Q.** quận; **x.** xem.

Chữ tắt đơn thành tố đoạn cắt âm tiết tính, kiểu này có tắt tố là một từ, chữ trọn vẹn. Ví dụ mục từ **BAOVIET**, có từ *bảo* và *Việt* trong tên của Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

3.2.2. Chữ tắt đa thành tố

Trong tiếng Anh, *chữ tắt đa thành tố* có tắt tố là chữ cái đầu kết hợp với nhau, thường là tên gọi các hội, hiệp hội, của từng ngành nghề khoa học (hóa học, sinh học, y học, triết học,...), cơ quan quốc tế. Ví dụ: **G.A.R.P** Global Atmospheric Research Programme *Chương trình nghiên cứu khí quyển trái đất*. **IFAD** [i-phát] International Fund for Agricultural Development *Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế (của LHQ)*.

Chữ tắt đa thành tố đoạn cắt âm tiết tính là cách cắt ngắn những âm tiết đầu của chữ. Ví dụ: **INMARSAT** [In-mác-sát]; [in-ma-sát] International Maritime Satellite Organization *Tổ chức [liên lạc] vệ tinh hàng hải quốc tế*. **Nat.Sc** Natural Science *khoa học tự nhiên*. **NAVCOM** [náp-com] Naval Communication System *hệ thống thông tin liên lạc hải quân*.

Chữ tắt trong tiếng Việt, nhóm tác giả cũng theo tiêu chí cấu tạo *chữ tắt đơn thành tố* và *tắt đa thành tố*, nhưng có thêm một số quy tắc riêng. Ví dụ chữ tắt biểu thị cơ quan xuất nhập khẩu có cấu tạo từ các thành tố đứng cuối -MEX, -IMEX, -XIM, -EXIM, -IM ghép với thành tố chỉ loại cơ quan, chức năng, sản phẩm. Chẳng hạn: SIMEX, PETROLIMEX, NAFORIMEX, NAFORIMEX, RUBEXIM, TEXTIMEX, VILEXIM. Đôi khi chúng cũng được ở đầu hoặc giữa tên tắt sát trước CO- biểu thị tên công ty, cơ quan. Ví dụ: IMEXCO HOCHIMINH CITY, UNIMEXCO NGHE TINH.

Hình thức phổ biến dạng chữ tắt ghép với thành tố -EXPORT hoặc -IMPORT đứng sau chỉ cả hai chức năng xuất khẩu và

nhập khẩu AGREXPORT, MINEXPORT. Trường hợp hiếm gặp với cách ghép - EXPORT đứng sau chỉ tên công ty xuất khẩu: MINEXPORT, PACKEXPORT; và - IMPORT tên công ty nhập khẩu: TECHNOIMPORT.

Tên tắt đa thành tố chữ cái trong tiếng Việt như: **ĐHNII** Đại học Nông nghiệp II, **TCBD** Tổng cục Bưu điện, **TNVN** Tiếng nói Việt Nam, **THVN** Truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Trung ương. Cách lấy chữ cái đầu tiếng Anh như: **CAMICE** [ca-mi-xe] Centre for Application of Mathematics and Informatics in Civil Engineering Trung tâm ứng dụng toán học và tin học xây dựng Văn phòng: 15 Phạm Đình Hổ, Hà Nội; ĐT 52012;...

Như vậy, có thể thấy, đầu mục của sách này (cho dù là tiếng Anh hay tiếng Việt) gồm những đơn vị *chữ tắt đơn thành tố* và *chữ tắt đa thành tố*. *Chữ tắt đơn thành tố* trong tiếng Anh có thể được chia làm bốn trường hợp: 1- chỉ có một chữ cái; 2- một đoạn cắt, hay là cách cắt âm tiết của một từ; 3- cách kết hợp của các chữ cái, nhưng không mang tính âm tiết; 4- tắt tố là từ, chữ trong tên đầy đủ. *Chữ tắt đơn thành tố* trong tiếng Việt có hai kiểu 1- chỉ có một chữ cái; 2- tắt tố là từ, chữ trong tên đầy đủ.

Chữ tắt đa thành tố lại gồm bốn kiểu: 1- Đa thành tố chữ cái; 2- Đa thành tố đoạn cắt âm tiết tính; 3- Đa thành tố nguyên chữ là các chữ tắt trong đó tắt tố là nguyên cả chữ trong tên đầy đủ; 4- Đa thành tố hỗn hợp, gồm các chữ tắt trong đó có cả tắt tố chữ cái, tắt tố đoạn cắt âm tiết tính, tắt tố nguyên chữ.

3.3. Các loại đầu mục xét theo từ loại

3.3.1. Danh từ riêng

Mục từ là chữ viết tắt về tên riêng của

các tổ chức, hiệp hội, chức danh của các nước hoặc mang tính quốc tế chiếm số lượng lớn trong cấu trúc bảng từ và có nguồn gốc tiếng Anh. Ví dụ: **ABTA** *Hiệp hội các công ty du lịch Anh*; **I.A.C.O.M.S** [i-a-xét] *Hội kỹ thuật đệm khí quốc tế*; **JUSE** [giu-se] *Liên đoàn các nhà khoa học và kỹ sư Nhật Bản*; **U.N.** *Liên hợp quốc*, **LHQ**; **V.A** *chuẩn đô đốc (hải quân)*.

Chữ viết tắt chỉ tên riêng của quốc gia, đại dương và vị trí địa lý của một số vùng trên thế giới. Ví dụ: **G.B.** [*nước*] *Anh*; **Ind.O** *Ấn Độ Dương*; **N.B.** *Bắc Anh, Xcôt-len*; **NC** [*bang*] *Bắc Ca-rô-li-na (Mỹ)*; **S.Afr.** *Nam Phi*; **Ut.** [*bang*] *I-u-ta (Mỹ)*; **Pek.** *Bắc Kinh*; **VN** *Việt Nam*.

3.3.2. Từ ngữ thông thường có tần số sử dụng cao

Chữ viết tắt chỉ hoạt động, hướng dẫn cách sử dụng trong tiếng Anh. Ví dụ: **tc.L.** và *vân vân*; **ESP** *đặc biệt là*; **inst.** *Instructor trợ giáo, người hướng dẫn*; **interj** *thán từ*; **inf.** *thông tin, tin tức, tài liệu*; **SZ** *cờ, kích thước*.

Chữ viết tắt được quy ước trong văn bản có tần số sử dụng cao thường chỉ khái niệm, danh từ chung. Ví dụ: **OK** *được, tốt, mọi việc đều vào đấy cả*; **opp** *ngược lại, trái lại*; **ut sup.** [*như đã chỉ ra*] *ở trên*; **CA** *công an*; **Đ/C**, **Đ/c** *đồng chí*; **ĐT** *điện thoại*; **HTX** *hợp tác xã*, **XNK** *xuất nhập khẩu*.

Qua khảo sát ở trên chúng tôi thấy từ loại của các mục từ trong công trình này chủ yếu là tên tắt biểu thị danh từ, có nguồn gốc tiếng Anh và tiếng Việt. Những danh từ này thường có tính quốc tế hoặc khái quát thuộc các lĩnh vực lớn của quốc gia dân tộc như quân sự, kỹ thuật, y tế, kinh tế, thương mại,...

Bảng từ chữ tắt của *Từ điển tiếng Việt (TĐTV)* có 146 chữ [5, tr.398] và phân bảng từ chữ tắt Việt Nam của *STCCVT* là 257 chữ.

TĐTV thu thập số lượng ít hơn vì các mục từ tắt thu thập chủ yếu là những trường hợp: 1- giải thích về nghĩa của chữ cái theo tiếng Anh, có các chữ C, D, H, I, J, K, L, M, N, O, P, Q, S, T, V, X, Y, W; 2- các dạng tắt có tần số sử dụng cao và từ mượn các ngôn ngữ khác loại hình với tiếng Việt như: BCH, CNTB, CNXH, CHXHCN, HCM, HĐND, HTX, SIDA, T/M, VIP,...; 3- thuật ngữ khoa học có tính quốc tế, các chất hóa học hay ký hiệu của đơn vị đo khối lượng. Ví dụ: **oz.** ounce; viết tắt. **t** cv. **T** Tấn (1000 kilogram), viết tắt. **Wh** Watt-giờ, viết tắt (h: ký hiệu của giờ). Chữ tắt của *TĐTV* có tính cố định cao, không dễ bị mất đi theo thời gian, nên ở trong các lần tái bản tiếp theo chúng vẫn giữ được vị trí của mình trong từ điển.

Bảng mục từ tiếng Việt của *STCCVT* cũng bao gồm các mục từ chữ tắt như ở *TĐTV*, ngoài ra có mở rộng hơn vì có những mục từ tắt là tên các tổ chức (công ty, cơ quan, trường đại học), các thuật ngữ khoa học có tính quốc tế. Đây là nguồn chữ tắt mới được hình thành và phát triển trong thời kỳ này. Để đáp ứng nhu cầu tra cứu của người sử dụng trong thời kỳ hội nhập quốc tế, sách tra cứu đã phản ánh sự phong phú của những tên gọi tắt chính thức để giao lưu, trao đổi trong lĩnh vực kinh tế, thương mại.

3.4. Cấu trúc vi mô của Sách tra cứu chữ viết tắt (nước ngoài và Việt Nam)

3.4.1. Cấu trúc mục từ chữ tắt nước ngoài

Mục từ chữ tắt được *STCCVT* lựa chọn đưa vào bảng từ được viết đúng theo nguyên ngữ về kiểu chữ (in hoa hay in thường), về dấu phụ,... Cấu trúc mục từ gồm các thông tin sau: ngoài đầu mục, các thông tin được cung cấp thường gồm cách đọc phiên âm bằng tiếng Việt, tên đầy đủ,

chuyên chú và lời giải nghĩa/tên tiếng Việt tương đương/chuyên chú.

a. Cách đọc phiên âm bằng tiếng Việt

Công việc khó khăn nhất khi biên soạn được các tác giả đưa ra là “xác lập được cách đọc thích hợp cho các kiểu chữ tắt nước ngoài và Việt Nam và đặt ra tên gọi tiếng Việt tương đương cho chúng” [6]. Trong phần Nguyên tắc sử dụng, cách đọc của mục từ này được nêu rất cụ thể, với 7/10 quy tắc dành cho phần phiên âm và cách đọc. Đây là cuốn từ điển có đưa ra phần cách đọc tiếng Việt nhiều nhất cho chữ tắt nước ngoài và Việt Nam. Ví dụ:

BBC [bê-bê-xê] British Broadcasting Corporation *Nghiệp đoàn Truyền thanh Anh, Đài BBC.*

CIA [xê-i-a] Central Intelligence Agency *Cục Tình báo Trung ương (Mỹ).*

b. Tên đầy đủ

Chữ tắt trong cuốn *STCCVT* phần lớn có nguồn gốc từ tiếng Anh, vì vậy đưa tên đầy đủ của chữ tắt là điều kiện tiên quyết để dịch nghĩa của mục từ đó. Vì có nhiều tên tắt có hình thức hoàn toàn giống nhau, nhưng tên đầy đủ lại khác nhau, dẫn tới nghĩa là khác nhau. Ví dụ:

AIC Agricultural Institute of Canada *Viện Nông nghiệp Ca-na-đa.*

AIC American Institute of Chemists *Viện các nhà hóa học Mỹ.*

AIC Automatic Information Center *Trung tâm thông tin tự động.*

c. Lời giải thích/tên tiếng Việt tương đương/chuyên chú

Lời giải thích là việc dịch nghĩa của chữ tắt, ký hiệu tắt, tên tắt. Tên tắt của các tổ chức thường kèm theo nguồn gốc, xuất xứ. Ví dụ: **C.B.R.I** Central Building Research

Institute Viện Nghiên cứu Xây dựng Trung ương (Ấn Độ).

Một số chữ tắt được giải thích thêm về cách hiểu, cách dịch. Ví dụ: **Ch.** Chief trưởng, người đứng đầu, chính. **mem.** memento vật kỷ niệm, kỷ vật, dấu, vật gợi nhớ. **or.** original gốc, nguyên bản, nguyên thủy.

Trường hợp chữ tắt có tên gọi khác nhau, nhưng cấu tạo hoàn toàn giống nhau được quy vào một vị trí và dùng số để tách nghĩa riêng cho từng tên. Tiêu biểu nhất trong từ điển là phần định nghĩa mục từ chữ cái tiếng Anh đều có nhiều nghĩa. Ví dụ mục từ M:

M 1) March tháng ba 2) Marschal nguyên soái 3) mass khối lượng 4) master người có bằng cao học, cao học 5) May tháng Năm 6) mean [giá trị] trung bình 7) member thành viên, hội viên 8) Monday thứ hai 9) moment mô-men.

Phần chuyển chú trong từ điển nhóm tác giả dùng chữ x. Cấu trúc mục từ này gồm: mục từ tắt, chữ nguyên dạng và mục xem nghĩa chuyển đến. Ví dụ: **cent.** center x. C₃; **cent.** century x. C₄; **mo.** moment x. M₉; **mo.** month x. m₁₇.

3.4.2. Cấu trúc mục từ chữ tắt tiếng Việt

Tiếng Việt là loại hình ngôn ngữ đơn lập nên trong chữ tắt cũng có những dạng đặc thù riêng. Trong cấu trúc mục từ chữ tắt tiếng Việt có các thông tin sau: tên viết tắt, cách đọc, tên đầy đủ, phần giải thích các chữ trong tên viết tắt. Riêng mục từ về tên của tổ chức kinh tế - xã hội có thêm thông tin về địa chỉ, điện thoại, chi nhánh,... nhằm giúp người đọc nắm được hoặc tiện trong việc liên lạc.

a. Cách đọc phiên âm bằng tiếng Việt

Hầu hết các mục từ tên tắt của các tổ chức kinh tế, xã hội có tên từ tiếng Anh

được chú cách đọc phiên âm. Ví dụ: ARTEX SAIGON [a-tếch-sài-gòn] Art Articles and Handicraft Export Company Công ti XNK thủ công mỹ nghệ Thành phố Hồ Chí Minh Văn phòng: 161, Đồng Khởi, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 99078, 96945, 96946; ĐB: 9458 ATEXCO HCM. Một số trường hợp là tên viết tắt từ tiếng Việt cũng có cách đọc phiên âm. Ví dụ: FAFIM [pha-phim] Công ti phát hành phim Việt Nam. VAC [vê-a-xê]; [vác]. Vườn-Ao-Chuồng (một mô hình kinh tế nông thôn VN).

b. Tên đầy đủ

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh, tiếng Việt của các công ty, liên hiệp xuất nhập khẩu tư nhân được nhóm tác giả cung cấp sau phần cách đọc của mỗi mục từ. Một số trường hợp tên tắt là đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp nhà nước. Chẳng hạn: **NCPFP** National Committee for Population and Family Planning Ủy ban quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình. **PETROVIETNAM** [pê-trô-việt-nam] Viet Nam National Oil and Gas Company Công ti dầu khí Việt Nam.

Tên đầy đủ của tên tắt bằng tiếng Việt, ví dụ: **NGAHA HANOI** Chi nhánh ngân hàng nhà nước thành phố Hà Nội Văn phòng: 10, Lê Lai, Hà Nội; ĐT 53961.

c. Lời giải thích/tên tiếng Việt tương đương

Lời giải thích hay nghĩa tiếng Việt tương đương được đưa ngay sau chữ tắt. Ví dụ: CA công an; ĐT điện thoại; ĐCSVN Đảng Cộng sản Việt Nam. KHKT khoa học, kỹ thuật; KSQS kiểm soát quân sự; LHQ liên hợp quốc; LHXN liên hiệp xí nghiệp.

Tên tắt của các trường đại học cũng thuộc loại chữ tắt thông dụng được chọn đưa vào từ điển nhưng số lượng còn hạn chế, chủ yếu là các tên trường ở miền Bắc.

Chẳng hạn: Đ.H.A.N. *Đại học An ninh*; Đ.H.B.K. *Đại học Bách khoa*; Đ.H.G.T. *Đại học Giao thông*; ĐHNN HANOI *Đại học Ngoại ngữ Hà Nội*; ĐHNNI HANOI *Đại học Nông nghiệp I Hà Nội*; ĐHSPI HANOI *Đại học Sư phạm I Hà Nội*; ĐHTH *Đại học Tổng hợp*;...

Trong *TĐTV*, trong cấu trúc mục từ, ngoài nội dung định nghĩa (lời giải thích) là các loại “chú” mang thông tin bổ sung như: chú về ngữ âm, chữ viết, chính tả: *cn.*, *cv.*, *viết hoa*, *viết tắt*,...; chú về ngữ pháp: (*d.*, *đ.*, *t.*,...); chú về từ vựng: (*id.*), (*láy*), (*cũ*), ...; chú về sắc thái biểu cảm, tu từ: (*vch.*, *thgt.*,...),... [5]. Viết tắt là một loại “chú”, ví dụ các mục từ: **CM** Cách mạng, viết tắt. **CNTB** Chủ nghĩa tư bản, viết tắt, **CNXH** Chủ nghĩa xã hội, viết tắt. So với *STCCVT*, ở đây không có những thông tin về cách đọc. Trong khi vấn đề cách đọc chữ viết tắt là vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất.

4. Kết luận

Sách tra cứu chữ viết tắt (nước ngoài và Việt Nam) là công trình quan trọng trong lĩnh vực biên soạn chữ viết tắt ở nước ta. Đề thu thập được chữ viết tắt của nhiều thứ tiếng, cần có đội ngũ biên soạn vừa có trình độ chuyên môn vừa phải có trình độ ngoại ngữ nhất định. Ở Sách này, nhóm tác giả đã đưa ra nhiều kiến giải xác đáng về cấu tạo và việc định danh cho chữ viết tắt của nước ngoài và Việt Nam. Phần tra cứu có hai phần được phân biệt rõ ràng là tên tắt của nước ngoài và Việt Nam, nhằm giúp người đọc phân biệt được rõ nguồn gốc, xuất xứ. Phần thông tin trong mỗi mục đầy đủ. Đặc

biệt phần phiên âm cách đọc các đầu mục đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn hóa cách đọc cho công chúng. Ngày nay, trong bối cảnh hội nhập, số lượng chữ viết tắt nước ngoài cũng như trong tiếng Việt đang không ngừng tăng lên, nhu cầu cần có một cuốn từ điển chữ tắt là cấp thiết. Công trình này sẽ gợi mở cho những nhà từ điển học trong việc thiết kế và triển khai biên soạn những cuốn từ điển chữ viết tắt phổ thông và chuyên ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Nhân Đàm, *Từ điển chữ viết tắt thông dụng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [2] Mai Xuân Huy, “Về khái niệm tắt tổ và các kiểu định danh tắt trong tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 10, tr.11, 2003.
- [3] Nguyễn Văn Lợi, “Từ điển học và Bách khoa thư học (phạm vi, đối tượng và quan hệ)”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 3(23), tr.4, 2013.
- [4] Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển học - Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng, 1996.
- [5] Nguyễn Ngọc Trâm, *Sử dụng dạng tắt trên báo chí tiếng Việt hiện nay*, Hội nghị khoa học 2002 “*Những vấn đề ngôn ngữ học*”, Nxb. Khoa học xã hội, tr.390, 2002.
- [6] Như Ý - Mai Xuân Huy (biên soạn), *Sách tra cứu chữ viết tắt (nước ngoài và Việt Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
- [7] Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Tên viết tắt các tổ chức kinh tế xã hội Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1993.
- [8] Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển chữ viết tắt Anh - Việt, Pháp - Việt, Đức - Việt, Tây Ban Nha - Việt, Bồ Đào Nha - Việt, I Ta Li A - Việt, La tinh - Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1994.